

TCVN xxxxx:2026

ISO 23405:2022

BẢN DỰ THẢO

**DU LỊCH VÀ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN –
DU LỊCH BỀN VỮNG – NGUYÊN TẮC, THUẬT NGỮ VÀ MÔ HÌNH**

*Tourisme et services connexes — Tourisme durable — Principes,
vocabulaire et modèle*

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	7
Lời giới thiệu	7
1. Phạm vi áp dụng	7
2. Tài liệu viện dẫn	7
3. Thuật ngữ và định nghĩa	7
3.1 Các thuật ngữ liên quan đến tính bền vững	7
3.2 Các thuật ngữ liên quan đến khía cạnh môi trường của tính bền vững	8
3.3 Các thuật ngữ liên quan đến khía cạnh kinh tế của tính bền vững	10
3.4 Các thuật ngữ liên quan đến khía cạnh xã hội của tính bền vững	10
3.5 Các thuật ngữ liên quan đến điểm đến du lịch	12
4. Các nguyên tắc của du lịch bền vững	12
4.1 Quản lý du lịch bền vững một cách hiệu quả	12
4.2 Đảm bảo quyền lợi của cộng đồng địa phương	12
4.3 Bảo tồn môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học	13
4.4 Tôn trọng di sản văn hóa và các giá trị bản địa	13
4.5 Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các điểm đến du lịch	13
4.6 Đảm bảo chất lượng sản phẩm, quy trình và thái độ	13
4.7 Cung cấp các điều kiện về sức khỏe, an toàn và an ninh của điểm đến	13
4.8 Tuân thủ pháp luật	13
4.9 Chuẩn bị cho các tình huống khẩn cấp và thiết lập quy trình ứng phó	13
5. Mô hình du lịch bền vững	14
5.1 Tổng quan	14
5.2 Mô hình du lịch bền vững	14
Phụ lục A (tham khảo) Các nguyên tắc của du lịch bền vững và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)	16
Thư mục tài liệu tham khảo	19

Lời nói đầu

TCVN xxxxx:2026 hoàn toàn tương đương với ISO 23405:2022;

TCVN xxxxx:2026 do Trường Đại học Văn hoá Hà Nội biên soạn, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và công bố.

Lời giới thiệu

Trong vòng 10 năm qua, phát triển bền vững đã trở thành một chủ đề có tầm quan trọng lớn đối với ngành du lịch. Nhiều yếu tố đã góp phần thúc đẩy nhanh chóng sự gia tăng nhu cầu về tính bền vững. Các cơ sở lưu trú, công ty lữ hành, nhà hàng, điểm tham quan du lịch và các tổ chức liên quan đã áp dụng các chiến lược, quy trình truyền thông, tiêu chuẩn và hệ thống chứng nhận phù hợp. Mối quan tâm toàn cầu đối với các vấn đề môi trường và văn hóa – xã hội đã làm gia tăng mong muốn của du khách trong việc trải nghiệm những dịch vụ và sản phẩm du lịch bền vững hơn.

Phát triển bền vững trong du lịch thường được đề cập từ góc độ bảo vệ môi trường, giảm phát thải CO₂, và tiết kiệm năng lượng cũng như nước. Đôi khi, các vấn đề xã hội cũng được quan tâm, như sự tham gia của cộng đồng địa phương hoặc các khía cạnh kinh tế – chủ yếu liên quan đến tính khả thi và bền vững của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, mặc dù mối quan tâm đến tính bền vững ngày càng gia tăng, hiện nay phần lớn các tổ chức vẫn hiểu về phát triển bền vững theo những cách khác nhau. Các cách tiếp cận đa dạng đã được các tổ chức áp dụng, và các nền tảng kỹ thuật số đã góp phần lan truyền nhiều loại thông tin khác nhau về du lịch bền vững.

Hiện nay, có thể nhận diện hơn một trăm tài liệu tham khảo – thuộc khu vực tư nhân, công lập, quốc tế, khu vực và quốc gia – mỗi nguồn lại đưa ra những khái niệm và cách hiểu khác nhau về du lịch bền vững.

Bên cạnh đó, cả tiêu chuẩn ISO 21401 và ISO 20611 đều bao hàm các khái niệm liên quan đến du lịch bền vững.

Năm 2015, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững, trong đó bao gồm 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Du lịch là một ngành kinh tế có sức ảnh hưởng lớn và có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các giải pháp bền vững cho con người, hành tinh, thịnh vượng và hòa bình.

Do đó, mặc dù có nhiều thách thức đối với phát triển bền vững, một trong những thách thức cốt lõi được ghi nhận chính là sự thừa nhận các nguyên tắc tối thiểu của du lịch bền vững và việc xây dựng một cách hiểu chung.

Các nguyên tắc này là nền tảng cho sự phát triển bền vững của ngành du lịch và cần được các bên liên quan xem xét và áp dụng tối đa trong khả năng có thể.

Trên phạm vi toàn cầu, người ta ghi nhận rằng các điểm đến du lịch lựa chọn mô hình phát triển dựa trên khả năng đáp ứng cung hoặc cầu. Mỗi mô hình đều có những đặc điểm riêng, và các điểm đến lựa chọn chúng tùy theo lợi ích, thị hiếu, sở thích và chiến lược của mình.

Một số đặc điểm của mô hình phát triển dựa trên nhu cầu bao gồm: tăng trưởng tự phát, nhấn mạnh vào các điểm hấp dẫn tự nhiên và tập trung chủ yếu vào việc tạo ra lợi nhuận cho các doanh nghiệp du

lịch. Mô hình này thường đi kèm với việc sử dụng tài nguyên (tự nhiên và nhân lực) một cách cường độ cao, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn nhanh và hiệu ứng lan tỏa (spillover effect) thấp. Điểm đến thường được thiết kế dựa trên các biểu tượng nổi bật nhằm thu hút du khách.

Ngược lại, mô hình phát triển dựa trên nguồn cung có đặc điểm là tăng trưởng có kiểm soát, không chỉ nhấn mạnh vào bảo vệ môi trường mà còn hướng đến tính bền vững toàn diện trong các quy trình. Các doanh nghiệp trong mô hình này không chỉ quan tâm đến lợi nhuận mà còn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương. Ngoài ra, trải nghiệm của du khách được nâng cao nhờ vào chất lượng dịch vụ vượt trội trong suốt hành trình, hiệu ứng lan tỏa cao hơn, yêu cầu đầu tư thấp hơn và thời gian thu hồi vốn chậm hơn. Cuối cùng, các điểm đến trong mô hình này tập trung thiết kế sản phẩm thay vì chỉ xây dựng các điểm tham quan.

Bất kể áp dụng mô hình nào, cả hai đều cần hướng đến việc được công nhận là "hình mẫu" của một điểm đến du lịch bền vững. Bên cạnh đó, các điểm đến nên hướng tới việc đạt được hiệu ứng lan tỏa ở mức cao nhất nhằm mang lại lợi ích trực tiếp cho nền kinh tế địa phương và quốc gia, nghĩa là một tỷ lệ lớn chi tiêu du lịch sẽ được giữ lại trong cộng đồng xung quanh, tạo tác động tích cực trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo.

Các doanh nghiệp cần thể hiện cam kết không chỉ đối với môi trường mà còn với phát triển bền vững ở cấp độ toàn cầu. Các thực hành tốt sẽ giúp doanh nghiệp nhận diện, đánh giá và giảm thiểu mọi tác động tiêu cực đến môi trường, kết cấu xã hội và văn hóa địa phương, đồng thời duy trì chất lượng dịch vụ cao, bảo vệ người lao động và đáp ứng nhu cầu cũng như kỳ vọng của các bên liên quan. Phát triển bền vững thường được tích hợp như một trục xuyên suốt trong mọi chính sách kinh doanh công và tư, góp phần nâng cao đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh – yếu tố then chốt để duy trì vị thế dẫn đầu. Du lịch bền vững không chỉ là một phương thức hoạt động, mà còn là một cách sống và tồn tại.

Tiêu chuẩn này nhằm cung cấp một nền tảng chung và vững chắc cho quá trình phát triển bền vững, hướng tới sự tham gia của tất cả các bên liên quan, đồng thời nâng cao các lợi ích tiềm năng mà ngành du lịch có thể đạt được.

Du lịch và các dịch vụ liên quan — Du lịch bền vững — Nguyên tắc, thuật ngữ và mô hình

Tourism and related services – Sustainable tourism – Principles, vocabulary and model

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các khái niệm và nguyên tắc cơ bản, cũng như đưa ra một mô hình cho du lịch bền vững. Tiêu chuẩn này áp dụng cho các tổ chức tư nhân, tổ chức công lập và các điểm đến du lịch, không phân biệt quy mô hay vị trí địa lý, cũng như các bên liên quan khác tham gia vào quá trình phát triển du lịch bền vững.

2 Tài liệu viện dẫn

Không có tài liệu viện dẫn nào trong tiêu chuẩn này.

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Tiêu chuẩn này áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa tại cơ sở dữ liệu về thuật ngữ của ISO và IEC để sử dụng trong tiêu chuẩn hóa tại các địa chỉ sau:

— Nền tảng duyệt web trực tuyến ISO có tại: <https://www.iso.org/obp>

— Điện tử IEC có tại: <http://www.electropedia.org/>

3.1 Các thuật ngữ liên quan đến tính bền vững

3.1.1

Bền vững (sustainability)

Trạng thái của hệ thống toàn cầu, bao gồm các khía cạnh môi trường, xã hội và kinh tế, trong đó nhu cầu của hiện tại được đáp ứng mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai¹.

CHÚ THÍCH 1: Các khía cạnh môi trường, xã hội và kinh tế tương tác với nhau đều phụ thuộc lẫn nhau và thường được xem là ba khía cạnh của tính bền vững.

CHÚ THÍCH 2: Tính bền vững là mục tiêu của phát triển bền vững (xem 3.1.2).

[NGUỒN: TCVN 11458:2016 (ISO Guide 82:2019), 3.1]

3.1.2

¹ Nguồn: 21401

Phát triển bền vững (sustainable development)

Nguyên tắc tổ chức nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của con người, đồng thời duy trì khả năng của các hệ thống tự nhiên trong việc cung cấp tài nguyên thiên nhiên và các dịch vụ hệ sinh thái mà nền kinh tế và xã hội phụ thuộc vào.

CHÚ THÍCH 1: Kết quả mong muốn là một trạng thái xã hội trong đó các điều kiện sống và tài nguyên được sử dụng để tiếp tục đáp ứng nhu cầu của con người mà không làm suy giảm tính toàn vẹn và ổn định của hệ thống tự nhiên.

CHÚ THÍCH 2: Phát triển bền vững có thể được định nghĩa là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai.

3.1.3

Du lịch bền vững (sustainable tourism)

Ngành du lịch tính đến đầy đủ các tác động kinh tế, xã hội và môi trường hiện tại và tương lai của mình; đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, người lao động, ngành du lịch, cộng đồng sở tại và biến đổi khí hậu trong số các nhu cầu khác; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các bên quan tâm trong việc thực hiện các chính sách phát triển bền vững.

3.1.4

Khía cạnh của tính bền vững (sustainability aspect)

Những hoạt động, yếu tố, thói quen, sản phẩm hoặc dịch vụ của các cơ sở lưu trú trong lĩnh vực du lịch có thể tương tác với các phương diện của tính bền vững (môi trường, xã hội, kinh tế)

CHÚ THÍCH 1: Khía cạnh quan trọng của tính bền vững là khía cạnh có thể có sự tác động lớn.

CHÚ THÍCH 2: Một số ví dụ về các khía cạnh của tính bền vững là tiêu thụ năng lượng, phát sinh chất thải rắn, bao bì có thể tái chế và tiêu thụ nước.

3.1.5

Mục tiêu của tính bền vững (sustainability objective)

Mục tiêu để đạt được tính bền vững toàn cầu, xuất phát từ chính sách bền vững mà doanh nghiệp hoặc điểm đến đặt ra để đạt được và được định lượng khi có thể.

3.1.6

Tác động đối với tính bền vững (impact on sustainability)

Sự thay đổi đối với môi trường, xã hội hoặc kinh tế, hoàn toàn hoặc một phần, xuất phát từ các khía cạnh của tính bền vững của một tổ chức.

CHÚ THÍCH 1: Các tác động đối với tính bền vững có thể là tác động tiêu cực hoặc tích cực.

3.2 Các thuật ngữ liên quan đến khía cạnh môi trường của tính bền vững

3.2.1

Thích ứng với biến đổi khí hậu (climate change adaptation)

Quá trình điều chỉnh đối với khí hậu thực tế hoặc dự báo và các tác động của nó.

CHÚ THÍCH 1: Trong các hệ thống do con người thiết lập, thích ứng nhằm giảm thiểu hoặc tránh thiệt hại hoặc tận dụng các cơ hội có lợi.

CHÚ THÍCH 2: Trong một số hệ thống của tự nhiên, sự can thiệp của con người có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều chỉnh đối với khí hậu và các tác động của nó.

3.2.2**Giảm thiểu biến đổi khí hậu** (climate change mitigation)

Sự can thiệp của con người nhằm giảm lượng phát thải khí nhà kính hoặc tăng cường việc loại bỏ khí nhà kính.

[NGUỒN: TCVN ISO 14050:2020, 3.8.6]

3.2.3**Môi trường** (environment)

Những thứ bao quanh nơi hoạt động của một tổ chức bao gồm không khí, nước, đất, nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ thực vật, hệ động vật, con người và các mối quan hệ qua lại của chúng.

CHÚ THÍCH 1: Những thứ bao quanh có thể hiểu rộng từ phạm vi của một tổ chức đến hệ thống quốc gia, khu vực và toàn cầu.

CHÚ THÍCH 2: Những thứ bao quanh có thể mô tả theo đa dạng sinh học, các hệ sinh thái, khí hậu hoặc các đặc điểm khác.

[NGUỒN: TCVN ISO 14001:2015², 3.2.1]

3.2.4**Tác động môi trường** (environmental impact)

Bất kỳ thay đổi nào của môi trường (3.2.3), dù có lợi hoặc bất lợi, do một phần hay toàn bộ các khía cạnh môi trường (3.2.2) của một tổ chức gây ra.

3.2.5**Khu bảo tồn thiên nhiên** (natural protected area)

Không gian địa lý được xác định rõ ràng, được công nhận, dành riêng và được quản lý bằng các biện pháp pháp lý hoặc các phương thức hiệu quả khác nhằm đạt được việc bảo tồn thiên nhiên lâu dài cùng với các dịch vụ hệ sinh thái và các giá trị văn hóa liên quan.

3.2.6**Bảo tồn đa dạng sinh học** (biodiversity conservation)

Hoạt động quản lý tích cực hệ sinh thái nhằm đảm bảo sự tồn tại tối đa sự đa dạng của các loài cũng

² TCVN ISO 14001:2015

như duy trì tính đa dạng di truyền của chúng

3.2.7 Sức chứa (carrying capacity)

Số lượng người tối đa có thể đến tham quan một điểm du lịch tại cùng một thời điểm mà không gây ra sự hủy hoại về môi trường vật lý, kinh tế và văn hóa xã hội, đồng thời không làm sụt giảm quá mức mức độ hài lòng về chất lượng trải nghiệm của khách du lịch.

[NGUỒN: ISO 20611:2018, 3.3]

3.3 Các thuật ngữ liên quan đến khía cạnh kinh tế của tính bền vững

3.3.1

Trách nhiệm doanh nghiệp (corporate responsibility)

Cách thức mà một tổ chức chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và các tác động đến người lao động, các bên liên quan và cộng đồng.

3.3.2

Tác động kinh tế (economic impact)

Tác động đến nền kinh tế, hoàn toàn hoặc một phần, bắt nguồn từ các khía cạnh kinh tế.

[NGUỒN: ISO 15392:2019, 3.17.1]

3.3.3

Biện pháp an toàn và an ninh (safety and security measures)

(áp dụng cho cơ sở lưu trú và hoạt động du lịch)

Các điều kiện và yếu tố liên quan đến mức độ kiểm soát và giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến người lao động, khách lưu trú hoặc những người khác trong các cơ sở lưu trú hoặc trong hoạt động du lịch.

3.3.4

Kinh tế tuần hoàn (circular economy)

Nền kinh tế phục hồi và tái tạo theo thiết kế, và hướng đến duy trì các sản phẩm, bộ phận hợp thành và nguyên vật liệu luôn ở mức độ giá trị sử dụng và tiện ích cao nhất, phân biệt giữa các chu trình kỹ thuật và sinh học.

[NGUỒN: TCVN 14249:2024 (ISO 21401:2018), 3.6]

3.4 Các thuật ngữ liên quan đến khía cạnh xã hội của tính bền vững

3.4.1

Tiếp cận toàn diện (accessibility)

Mức độ mà các sản phẩm, hệ thống, dịch vụ, môi trường và cơ sở vật chất có thể được sử dụng bởi các cá nhân thuộc nhiều nhóm người dùng khác nhau, với đa dạng nhu cầu, đặc điểm và năng lực, nhằm đạt được các mục tiêu xác định trong các bối cảnh sử dụng xác định.

CHÚ THÍCH 1: Bối cảnh sử dụng bao gồm việc sử dụng trực tiếp hoặc có hỗ trợ bởi công nghệ hỗ trợ.

[NGUỒN: ISO 21902:2021, 3.1]

3.4.2

Thiết kế toàn diện (universal design)

Việc thiết kế sản phẩm, môi trường, chương trình và dịch vụ để có thể được sử dụng bởi tất cả mọi người, ở mức tối đa có thể, mà không cần đến việc điều chỉnh hoặc thiết kế chuyên biệt.

CHÚ THÍCH 1: Thiết kế toàn diện không loại trừ việc sử dụng thiết bị hỗ trợ dành riêng cho một số nhóm người hoặc cá nhân khuyết tật khi cần thiết.

CHÚ THÍCH 2: Các thuật ngữ như thiết kế toàn diện, thiết kế tiếp cận, thiết kế cho tất cả mọi người, thiết kế không rào cản, thiết kế hòa nhập và thiết kế liên thế hệ thường được sử dụng thay thế cho nhau với cùng một ý nghĩa.

[NGUỒN: Công ước Liên Hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật, Điều 2]

3.4.3

Du lịch tiếp cận (accessible tourism)

Loại hình du lịch được phát triển thông qua quy trình thiết kế toàn diện có sự hợp tác với các bên liên quan, nhằm cho phép những người có yêu cầu tiếp cận — bao gồm khả năng vận động, thị giác, thính giác và nhận thức — có thể hoạt động một cách độc lập và bình đẳng thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ và môi trường có khả năng tiếp cận.

[NGUỒN: ISO 21902:2021, 3.3]

3.4.4

Cộng đồng địa phương (local community)

Những người sinh sống trong khu vực địa lý thuộc điểm đến du lịch (*xem mục 3.5.1*).

3.4.5

Cư dân bản địa (native population)

Những người sinh ra và lớn lên tại nơi họ đang sinh sống, sử dụng tài nguyên thiên nhiên để duy trì cuộc sống.

3.4.6

Cộng đồng truyền thống (traditional population)

Cư dân bản địa (*xem 3.4.5*) có mối quan hệ tổ tiên và văn hóa với vùng đất họ đang sinh sống, sử dụng và phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên để tồn tại.

Ví dụ: Người bản địa và các cộng đồng truyền thống như: indigenous, caiçaras, quilombolas, ribeirinhos, jangadeiros, seringueiros (Brazil); bribri (Costa Rica); guarani, diaguitas, qom, mapuche (Argentina).

3.4.7

Di sản văn hóa (cultural heritage)

Di sản gồm các hiện vật hữu hình và các giá trị phi vật thể của một nhóm người hoặc một xã hội, được kế thừa từ các thế hệ trước, duy trì và bảo vệ trong hiện tại, và gìn giữ cho các thế hệ tương lai.

[NGUỒN: ISO 18461:2016, 2.1.3]

3.4.8

Bên quan tâm (interested party) / Bên liên quan (stakeholder)

Cá nhân hoặc tổ chức có lợi ích liên quan đến bất kỳ quyết định hoặc hoạt động nào của một tổ chức.

3.5 Các thuật ngữ liên quan đến điểm đến du lịch

3.5.1

Điểm đến du lịch (tourism destination)

Một khu vực địa lý, bao gồm các khía cạnh văn hóa, xã hội, kinh tế và môi trường, nơi diễn ra các hoạt động du lịch, bao gồm các dịch vụ, điểm tham quan, tài nguyên và cơ sở hạ tầng cần thiết cho trải nghiệm du lịch.

CHÚ THÍCH 1: Các điểm đến du lịch có thể được lồng ghép và kết nối để hình thành các điểm đến lớn hơn.

4. Các nguyên tắc của du lịch bền vững

4.1 Quản lý du lịch bền vững một cách hiệu quả

Các bên liên quan trong ngành du lịch phải thiết lập và/hoặc thúc đẩy các quy trình kinh doanh có đạo đức nhằm thúc đẩy trách nhiệm doanh nghiệp (xã hội, kinh tế và môi trường) của những người tham gia, đồng thời thúc đẩy việc xây dựng nền kinh tế tuần hoàn và tăng cường cam kết đối với tính bền vững của điểm đến và doanh nghiệp thông qua việc xây dựng và thực hiện sứ mệnh, mục tiêu, chiến lược, kế hoạch và quy trình quản lý.

Việc quản lý du lịch bền vững phải dựa trên việc đánh giá các khía cạnh bền vững của điểm đến nhằm xây dựng các mục tiêu bền vững để quản lý các tác động đến tính bền vững. Khi quản lý du lịch bền vững, các bên liên quan trong ngành du lịch nên xem xét các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), như được trình bày trong Phụ lục A.

4.2 Đảm bảo quyền lợi của cộng đồng địa phương

Các bên liên quan trong ngành du lịch phải tìm kiếm và thúc đẩy các cơ chế và hành động có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường, cũng như công bằng kinh tế, bao gồm việc bảo vệ quyền con người, sử dụng hợp lý đất đai và tài nguyên, tiêu dùng vật tư và dịch vụ một cách có trách nhiệm, đồng thời duy trì hoặc nâng cao phẩm giá của người lao động và phúc lợi của cộng đồng liên quan.

Lưu ý: Cộng đồng địa phương có thể bao gồm cả người dân bản địa và các cộng đồng truyền thống.

4.3 Bảo tồn môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học

Trong tất cả các giai đoạn thực hiện và vận hành, các bên liên quan trong ngành du lịch phải áp dụng các thực hành phù hợp với sức chứa của môi trường và tác động tối thiểu đến môi trường tự nhiên, bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động vật hoang dã, giám sát và giảm thiểu hiệu quả bất kỳ tác động tiêu cực nào, từ đó góp phần duy trì động lực và quá trình vận hành tự nhiên của các khía cạnh vật lý, sinh học và cảnh quan, đặc biệt là trong các khu bảo tồn thiên nhiên, có tính đến bối cảnh xã hội và kinh tế hiện tại. Việc này có thể bao gồm các biện pháp liên quan đến thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

4.4 Tôn trọng di sản văn hóa và các giá trị bản địa

Các bên liên quan trong ngành du lịch phải công nhận và tôn trọng di sản văn hóa – lịch sử của các điểm đến du lịch. Các hoạt động du lịch cần được lên kế hoạch, triển khai và quản lý hài hòa với truyền thống và giá trị văn hóa, đồng thời hỗ trợ cho sự phát triển của những giá trị này.

4.5 Thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội tại các điểm đến du lịch

Các bên liên quan trong ngành du lịch phải đóng góp vào việc củng cố nền kinh tế địa phương, nâng cao trình độ tay nghề, tăng cường tác động kinh tế, tạo việc làm, thúc đẩy quyền tiếp cận bình đẳng đến việc làm, thu nhập và dịch vụ, tăng cường khả năng tiếp cận và phát triển năng lực địa phương trong việc xây dựng các doanh nghiệp du lịch, đồng thời khuyến khích chuỗi cung ứng địa phương có trách nhiệm.

Lưu ý: Khả năng tiếp cận được xây dựng dựa trên thiết kế toàn diện (universal design).

4.6 Đảm bảo chất lượng sản phẩm, quy trình và thái độ

Các bên liên quan trong ngành du lịch phải cung cấp thông tin đáng tin cậy, nâng cao nhận thức về điểm đến du lịch, đánh giá sự hài lòng của du khách và khuyến khích việc áp dụng các tiêu chuẩn dịch vụ được công nhận liên quan đến - nhưng không giới hạn - tính bền vững, chất lượng, thiết kế toàn diện và an toàn thực phẩm.

4.7 Cung cấp các điều kiện về sức khỏe, an toàn và an ninh của điểm đến

Các bên liên quan nên cung cấp và nâng cao các điều kiện của điểm đến, áp dụng các biện pháp an toàn và an ninh, bao gồm cả các biện pháp y tế, để tăng cường mức độ sức khỏe (phòng chống nhiễm trùng hoặc bệnh tật) và sự thoải mái của người dân địa phương, người lao động và du khách.

4.8 Tuân thủ pháp luật

Các bên liên quan phải xác định và nhận thức rõ các yêu cầu pháp lý áp dụng.

4.9 Chuẩn bị cho các tình huống khẩn cấp và thiết lập quy trình ứng phó

Các bên liên quan nên thiết lập các quy trình để ứng phó với các tình huống khẩn cấp tiềm ẩn, ví dụ như dịch bệnh, tai nạn, khẩn cấp do biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Phạm vi của các quy trình

nên cân nhắc đến kế hoạch và phản ứng có sự tham gia của du khách, người lao động và cộng đồng địa phương. Để đảm bảo tính hiệu quả, các cuộc diễn tập nên được tiến hành tại điểm đến khi có thể.

5. Mô hình du lịch bền vững

5.1 Tổng quan

Bất kể mô hình nào được lựa chọn, các điểm đến cần xác định rõ ràng các vấn đề sau:

— Xác định mô hình giá trị (ví dụ: điểm đến cung cấp gì? Đối tượng nào được nhắm đến? Điều gì làm cho sản phẩm hấp dẫn? Làm thế nào để giữ chân du khách? Các sản phẩm và dịch vụ du lịch có tiếp cận được với người có nhiều dạng khuyết tật không?);

— Xác định mục tiêu, hướng đến mục tiêu đó về dài hạn và duy trì sự tập trung vào các khái niệm cốt lõi của tính bền vững;

— Đảm bảo rằng khu vực công và khu vực tư nhân phối hợp chặt chẽ nhằm đạt được các thỏa thuận mang lại lợi ích thực sự cho tất cả mọi người;

— Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân nhóm họp lại để đại diện cho lợi ích của họ trước các cơ quan công quyền như cơ quan du lịch quốc gia;

— nỗ lực đảm bảo rằng lợi ích từ du lịch không chỉ tập trung vào một nhóm nhỏ (tránh mô hình "ốc đảo du lịch"), tập trung vào việc tạo ra tác động tích cực đến chất lượng cuộc sống của người lao động trong ngành du lịch cũng như cư dân tại và xung quanh điểm đến du lịch.

5.2 Mô hình du lịch bền vững

Các điểm đến du lịch nên xác định một mô hình du lịch bền vững dựa trên các nguyên tắc được nêu trong Điều 4, có xem xét các yếu tố sau:

a) Xác định trách nhiệm của chức năng quản lý điểm đến liên quan đến việc tích hợp tất cả các vấn đề và khía cạnh liên quan đến quản lý điểm đến du lịch bền vững, bao gồm việc xây dựng các chính sách du lịch bền vững nhằm gắn kết tất cả các bên liên quan chính của điểm đến vào một mục tiêu chung.

b) Nhận diện các khía cạnh của du lịch bền vững và hiểu được phạm vi các vấn đề bền vững có ý nghĩa cụ thể đối với điểm đến, bao gồm việc xác định chuỗi cung ứng du lịch tại điểm đến và phân tích các rủi ro và cơ hội địa phương.

c) Đánh giá các vấn đề trọng yếu, xác định những vấn đề nào thực sự có liên quan đến điểm đến bằng cách cân nhắc các yếu tố quan trọng như nhu cầu xã hội, các ràng buộc về môi trường, quy định pháp luật, thích ứng với biến đổi khí hậu, du lịch tiếp cận, an toàn và an ninh, cũng như quy hoạch cơ sở hạ tầng.

Lưu ý: Vấn đề trọng yếu là những vấn đề có mức độ liên quan cao cả về mặt bên ngoài lẫn bên trong.

d) Xây dựng chiến lược du lịch bền vững phù hợp với tầm nhìn cho tương lai, nhằm thu hẹp khoảng cách giữa hiện trạng và tầm nhìn đã đề ra.

e) Lập kế hoạch cho các nguồn lực và quy trình cần thiết tại điểm đến nhằm hiện thực hóa chiến lược du lịch bền vững, có tính đến các lĩnh vực cần được xử lý như: sự tham gia của công chúng, nâng cao nhận thức và giáo dục về du lịch, bảo vệ điểm tham quan và quản lý du khách, bảo tồn di sản văn hóa, quản lý nước và rác thải rắn tại điểm đến, quản lý ô nhiễm tiếng ồn và ánh sáng, bảo vệ động vật hoang dã, giảm khí thải nhà kính và khí thải từ phương tiện giao thông gây hại cho môi trường.

f) Triển khai và giám sát các chỉ số du lịch bền vững dành cho điểm đến, bao gồm chính sách tài nguyên, quy trình và kế hoạch hành động; các kế hoạch này cần được thực hiện với sự tham gia của nhiều bên liên quan tích cực có ảnh hưởng đến hoạt động của điểm đến du lịch bền vững. Đồng thời, xác định cách thức giám sát liên tục các chỉ số này và cách thức thực hiện các biện pháp khắc phục.

g) Xem xét phản hồi thường xuyên và lập báo cáo dựa trên việc giám sát hiệu quả thực hiện các kế hoạch hành động của chiến lược điểm đến du lịch bền vững. Điều này bao gồm phản hồi từ tất cả các bên liên quan chính, bao gồm cả khách du lịch. Tất cả dữ liệu liên quan đến phản hồi và báo cáo cần được tổ chức quản lý điểm đến du lịch bền vững xem xét định kỳ để đảm bảo thiết lập được chu trình cải tiến liên tục.

Phụ lục A

(Tham khảo)

Các nguyên tắc của du lịch bền vững và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)

A.1 Du lịch và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)

Du lịch đóng vai trò then chốt trong nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là thông qua việc tạo ra việc làm và tạo giá trị cho các nền kinh tế địa phương.

Du lịch là một hoạt động kinh tế đặc biệt, với nhiều đặc điểm nổi bật như khả năng kết nối và khai thác từ nhiều ngành nghề khác nhau, đồng thời tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau cao giữa các ngành.

Tuy nhiên, du lịch cũng đối mặt với những thách thức lớn như bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa. Dù vậy, du lịch có thể đóng góp theo nhiều cách vào việc thực hiện các **Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)** của Liên Hợp Quốc:

- **SDG 1:** Xóa nghèo
- **SDG 2:** Xóa đói
- **SDG 3:** Sức khỏe và hạnh phúc tốt
- **SDG 4:** Giáo dục chất lượng
- **SDG 5:** Bình đẳng giới
- **SDG 6:** Nước sạch và vệ sinh
- **SDG 7:** Năng lượng sạch với giá thành hợp lý
- **SDG 8:** Việc làm tốt và tăng trưởng kinh tế
- **SDG 9:** Công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng
- **SDG 10:** Giảm bất bình đẳng
- **SDG 11:** Thành phố và cộng đồng bền vững
- **SDG 12:** Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm
- **SDG 13:** Hành động ứng phó biến đổi khí hậu
- **SDG 14:** Tài nguyên dưới nước
- **SDG 15:** Tài nguyên trên cạn
- **SDG 16:** Hòa bình, công lý và thể chế vững mạnh
- **SDG 17:** Quan hệ đối tác vì các mục tiêu

Lưu ý: Để xem các ví dụ cụ thể về cách ngành du lịch đóng góp vào các SDGs, có thể tham khảo trang web tourism4sdgs.org.

A.2 Mối liên hệ giữa các nguyên tắc du lịch bền vững và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)

Xét đến sự đóng góp của các nguyên tắc du lịch bền vững đối với phát triển bền vững, có thể liên kết những nguyên tắc này với các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, như thể hiện trong **Bảng A.1**.

Bảng A.1 — Mối liên hệ giữa các nguyên tắc du lịch bền vững và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)

Nguyên tắc du lịch bền vững	SDGs liên quan
Quản lý du lịch bền vững một cách hiệu quả (xem Mục 4.1)	All SDGs
Bảo đảm quyền lợi của cộng đồng địa phương (xem Mục 4.2)	SGD 10 SDG 11 SDG 12 SDG 15
Bảo tồn môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học (xem Mục 4.3)	SGD 6 SDG 7 SDG 11 SDG 12 SGD 13 SGD 14 SDG 15
Tôn trọng di sản văn hóa và các giá trị địa phương (xem Mục 4.4)	SDG 11 SDG 12

Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các điểm đến du lịch (xem Mục 4.5)	SDG 8 SDG 9 SDG 11 SDG 12
Đảm bảo chất lượng sản phẩm, quy trình và thái độ phục vụ (xem Mục 4.6)	SDG 3 SDG 9 SDG 12
Đảm bảo sức khỏe, an toàn và an ninh tại các điểm đến (xem Mục 4.7)	SDG 3
Tuân thủ các quy định pháp lý hiện hành (xem Mục 4.8)	SDG 3 SDG 12
Chủ động ứng phó và xây dựng quy trình xử lý tình huống khẩn cấp (xem Mục 4.9)	SDG 3 SDG 11 SDG 12

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] ISO 14001:2015, Hệ thống quản lý môi trường — Các yêu cầu và hướng dẫn áp dụng
- [2] ISO 14050:2020, Quản lý môi trường — Thuật ngữ
- [3] ISO 14090:2019, Thích ứng với biến đổi khí hậu — Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn
- [4] ISO 15392:2019, Tính bền vững trong công trình xây dựng và công trình dân dụng — Các nguyên tắc chung
- [5] ISO 18461:2016, Thống kê quốc tế về bảo tàng
- [6] ISO 20611:2018, Du lịch mạo hiểm — Thực hành tốt về tính bền vững — Các yêu cầu và khuyến nghị
- [7] ISO 21401:2018, Du lịch và các dịch vụ liên quan — Hệ thống quản lý bền vững cho cơ sở lưu trú — Các yêu cầu
- [8] ISO 21902:2021, Du lịch và các dịch vụ liên quan — Du lịch tiếp cận cho tất cả mọi người — Các yêu cầu và khuyến nghị
- [9] ISO Guide 82:2019, Hướng dẫn lồng ghép tính bền vững trong tiêu chuẩn
- [10] Tổ chức Du lịch Thế giới Liên Hợp Quốc (UNWTO). Du lịch vì các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Truy cập từ: <https://tourism4sdgs.org/>
- [11] Hội đồng Du lịch Bền vững Toàn cầu (GSTC). Thuật ngữ Du lịch Bền vững: Định nghĩa các thuật ngữ quan trọng. Truy cập từ: <https://www.gstcouncil.org/gstc-criteria/glossary/#f9571430bcc9e6f1b>
- [12] Tổ chức Du lịch Thế giới Liên Hợp Quốc (UNWTO). Từ điển thuật ngữ du lịch. Truy cập từ: <https://www.unwto.org/glossary-tourism-terms>